

UNIT 4:

MUSIC AND ARTS

A CLOSER LOOK 1

- concert hall	(n): phòng hoà nhạc
- actor	(n) : nam diễn viên, diễn viên
- actress	(n) : nữ diễn viên
- composer	(n): nhà soạn nhạc
- musician	(n): nhạc sĩ
- compose	(v): soạn, biên soạn
- paint	(v): sơn, vẽ
- painter/ artist	(n): họa sĩ
- perform	(v): biểu diễn, trình diễn
- performance	(n): sự biểu diễn
- portrait	(n): bức chân dung
- photography	(n): nghề nhiếp ảnh
- scientist	(n): nhà khoa học
- poet	(n): nhà thơ
- orchestra	(n): ban nhạc, dàn nhạc